

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 29 - 8 - 2023

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc “Xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990; địa chỉ: số B/H đường CG, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc H1, sinh năm 1970; địa chỉ: số HB đường ML, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Theo đơn kháng cáo của bị đơn anh Trần Ngọc H1

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Trần Ngọc H1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố Đà Lạt. Cuộc sống chung của vợ chồng tôi hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái không thống nhất. Vì vậy, từ tháng 12/2022 cho đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân nhau, chị đã đưa con ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh H1

không còn nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc H1.

Về con chung: chị và anh H1 có 01 con chung là Trần Phúc A, sinh ngày 28/3/2014, hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng chị đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Ngọc H1 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố Đà Lạt. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc quản lý kinh tế gia đình nên cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận. Từ khoảng tháng 01/2023 cho đến nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Trần Phúc Anh, sinh ngày 28/3/2014. Khi ly hôn, anh cũng có nguyện vọng được nuôi con, không có yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng anh đã thỏa thuận giải quyết với nhau xong nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Ngọc H1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Phúc A, sinh ngày 28/3/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 07/7/2023 anh Trần Ngọc H1 kháng cáo, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Phúc A, sinh ngày 28/3/2014 cho đến khi thành niên và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị đơn anh H1 vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh.

Nguyên đơn chị H không kháng cáo và không đồng ý với kháng cáo của anh H1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm trước khi xét xử phúc thẩm Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Ngọc H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Trần Ngọc H1, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của anh Trần Ngọc H1 được trực tiếp nuôi cháu Trần Phúc A, sinh ngày 28/3/2014, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con thì thấy rằng:

Xét nguyện vọng được nuôi con của anh H1, chị H là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét điều kiện hoàn cảnh của các bên cũng như nguyện vọng của con chung. Bản thân anh H1, chị H đều thừa nhận, cháu Phúc Anh hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường, cuộc sống ổn định. Hiện nay cháu Trần Phúc Anh còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ; cháu Phúc A đang được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cũng như nơi ở ổn định của con. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao con chung là Trần Phúc A, sinh ngày 28/3/2014 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là hoàn toàn phù hợp. Bị đơn anh H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh H1.

[4] Từ những phân tích nhận định trên trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh H1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Ngọc H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 51/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Ngọc H1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Phúc A, sinh ngày 28/3/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0011522 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt (Chị H đã nộp đủ án phí).

Anh Trần Ngọc H1 phải chi 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0012015 ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt (Anh H1 đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Tp Đà Lạt (02);
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (4);
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh